

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2021

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị Như Y (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: ấp Long H, xã Long P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: anh Võ Trọng T (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Như Y trình bày như sau:***

Chị và anh Võ Trọng T sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/2016 tại Ủy ban nhân dân phường A. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Tuệ L, sinh ngày 14/9/2016 hiện đang sống với chị. Thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian chung sống có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, nên tháng 12/2020 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân đến nay. Chị yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Võ Trọng T;
- Về con chung: yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2021 anh Võ Trọng T trình bày:***

Tôi với Chị Y sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2. Quá trình sống chung có 01 đứa con chung tên Võ Tuệ L, sinh ngày 14/9/2016. Quá trình sống chung không có nợ chung, không có tài sản chung. Vợ chồng tôi cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng không biết lý do gì vợ tôi xin ly hôn với tôi. Tôi không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi cũng đồng ý và đồng ý giao con cho vợ tôi nuôi, tôi không cấp dưỡng với điều kiện là phải cho tôi tới lui thăm con. Nếu như Chị Y không nuôi thì để tôi nuôi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xem xét giải quyết vắng mặt như vậy đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét thấy Chị Y và anh T sống chung trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên sau thời gian sống chung không bao lâu anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được và đã không còn sống chung nữa, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nay Chị Y yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay Chị Y và anh

T đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho nên đời sống chung của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Chị Y, cho Chị Y được ly hôn với anh T. Về con chung: Quá trình chung sống Chị Y và anh T có 01 con chung tên Võ Tuệ L, sinh ngày 14/9/2016 hiện đang sống với Chị Y, theo đơn khởi kiện Chị Y yêu cầu được nuôi con, từ khi ly thân đến nay cháu L sống với Chị Y, và tại biên bản lấy khai anh T cũng đồng ý cho Chị Y nuôi con khi tòa án giải quyết cho ly hôn nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị Y, giao cho Chị Y tiếp tục nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Y yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị Y, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Như Y và anh Võ Trọng T sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/11/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo Chị Y trình bày trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng chị thường hay cự cãi nên có nhiều mâu thuẫn và xung đột dẫn đến việc hai vợ chồng không thể nào chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh T không đến và Chị Y cũng vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc Chị Y yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Y, cho chị Phan Thị Như Y được ly hôn với anh Võ Trọng T.

[3] Con chung: Quá trình chung sống Chị Y, anh T có được 01 con chung tên Võ Tuệ L, sinh ngày 14/9/2016, hiện nay con đang sống chung với Chị Y, Chị Y yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi Chị Y và anh T ly thân thì cháu L theo sống với Chị Y, cháu cũng phát triển bình thường và tại biên bản lấy khai anh T cũng đồng ý cho Chị Y tiếp tục nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu L cho Chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng

thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh T không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Như Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Như Y. Chị Phan Thị Như Y được ly hôn với anh Võ Trọng T

2. Về con chung: Giao cháu Võ Tuệ L, sinh ngày 14/9/2016 cho chị Phan Thị Như Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh T không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Như Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Như Y phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007718

ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Chị Y đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh